

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CÀI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 72/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CÀI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

+ Ông Trần Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang:
 Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72A/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng T;

Địa chỉ: đường K, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn V, Trưởng Phòng giao dịch C chi nhánh G (có mặt);

Địa chỉ: khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của Tổng Giám đốc Ngân hàng T và Giám đốc Ngân hàng T chi nhánh G theo văn bản ủy quyền số 3972/2019/GUQ-PL ngày 16/12/2019 và văn bản ủy quyền ngày 05/6/2020.

- Bị đơn: Nguyễn Văn H, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố H, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2020 và quá trình tố tụng, đại diện hợp pháp nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:

Ngân hàng T và ông Nguyễn Văn H ký kết hợp đồng tín dụng số LD1914900231 ngày 29/5/2019, số tiền vay là 30.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất nợ trong hạn 20,27%/năm đối với 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, từ tháng 13 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiền kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng T + biên độ 13%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trường hợp chậm trả lãi bên vay phải trả lãi suất bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, phương thức trả nợ theo kỳ hạn (mỗi kỳ hạn tương ứng 01 tháng), khoản trả kỳ hạn tiền gốc là 1.250.000 đồng, kỳ hạn tiền gốc cuối cùng là 1.250.000 đồng, khoản trả kỳ hạn lãi suất tính theo dư nợ thực tế, bắt đầu trả từ ngày 25/6/2019; Ngân hàng T có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi trước thời hạn toàn bộ vốn vay trong trường hợp bên vay vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi bên vay vốn hoàn trả đầy đủ nợ vay bao gồm nợ gốc, tiền lãi và các chi phí liên quan khác cho Ngân hàng T.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng T giải ngân đối với số tiền vay và được chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn H tại Phòng giao dịch C, chính nhánh G, lãi suất vay được thay đổi ngày 05/6/2020 là 20,29%/năm, ông Nguyễn Văn H có trả gốc và lãi được 07 kỳ thì ngưng thanh toán, nên ông Nguyễn Văn H còn nợ các khoản gồm: nợ gốc là 21.250.000 đồng, lãi nợ trong hạn là 2.528.304 đồng, lãi nợ quá hạn là 1.204.899 đồng, lãi chậm trả 97.096 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/9/2020.

Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho Ngân hàng khoản tiền nợ là 25.080.299 đồng (trong đó, tiền nợ gốc là 21.250.000 đồng, lãi nợ trong hạn là 2.528.304 đồng, lãi nợ quá hạn là 1.204.899 đồng, lãi chậm trả 97.096 đồng) và toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận của các bên cho đến khi thanh toán xong nợ.

* Đối với bị đơn Nguyễn Văn H đã được Toà án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau: Bản sao Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số LD1914900231 ngày 29/5/2019; bản sao Giấy ủy quyền số 3972/GUQ-PL ngày 16/12/2019; bản sao Giấy ủy quyền ngày 05/6/2020; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; bảng kê tính lãi suất; Bản tự khai ngày 05/6/2020. Bị đơn Nguyễn văn H cung cấp tài liệu, chứng cứ: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

Bị đơn Nguyễn Văn H đã được Toà án thông báo và tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết, sự kiện do nguyên đơn trình bày là sự thật.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Ngân hàng T và ông Nguyễn Văn H ký kết hợp đồng tín dụng số LD1914900231 ngày 29/5/2019. Theo đó, số tiền vay là 30.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất nợ trong hạn 20,27%/năm đối với 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân, từ tháng 13 trở đi lãi suất của toàn bộ dư nợ được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng T + biên độ 13%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trường hợp chậm trả lãi bên vay phải trả lãi suất bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, phương thức trả nợ theo kỳ hạn (mỗi kỳ hạn tương ứng 01 tháng), khoản trả kỳ hạn tiền gốc là 1.250.000 đồng, kỳ hạn tiền gốc cuối cùng là 1.250.000 đồng, khoản trả kỳ hạn lãi suất tính theo dư nợ thực tế, bắt đầu trả từ ngày 25/6/2019; Ngân hàng T có quyền chấm dứt việc cho vay và thu hồi trước thời hạn toàn bộ vốn vay trong trường hợp bên vay vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng; hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi bên vay vốn hoàn trả

đầy đủ nợ vay bao gồm nợ gốc, tiền lãi và các chi phí liên quan khác cho Ngân hàng T.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng T giải ngân đối với số tiền vay và được chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn H tại Phòng giao dịch C, chinh nhánh G, lãi suất vay được thay đổi ngày 05/6/2020 là 20,29%/năm, ông Nguyễn Văn H trả gốc và lãi được 07 kỳ thì ngưng thanh toán, nên ông Nguyễn Văn H còn nợ các khoản gồm: nợ gốc là 21.250.000 đồng, lãi nợ trong hạn là 2.528.304 đồng, lãi nợ quá hạn là 1.204.899 đồng, lãi chậm trả 97.096 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 30/9/2020.

Xét thấy, hợp đồng số LD1914900231 ngày 29/5/2019 được xác lập giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Văn H là phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự; việc ông Nguyễn Văn H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định:

“Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”.

Khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”.

Như vậy, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 25.080.299 đồng (trong đó, tiền nợ gốc là 21.250.000 đồng, lãi nợ trong hạn là 2.528.304 đồng, lãi nợ quá hạn là 1.204.899 đồng, lãi chậm trả 97.096 đồng) và toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận của các bên cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: *“2. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.”*. Như vậy, ông Nguyễn Văn H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của Ngân hàng T được Tòa án chấp nhận. Theo điểm b tiêu mục 1.3 Mục 1 Phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016) quy định: *“Đối với tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình có giá ngạch từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng mức thu án phí là 5% của phần giá trị tài sản có tranh chấp”*, số tiền án phí ông Nguyễn Văn H phải chịu là 1.254.000 đồng (25.080.299 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 147, **Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T số tiền 25.080.299 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2020, ông Nguyễn Văn H còn phải trả lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số LD1914900231 ngày 29/5/2019 được ký kết giữa Ngân hàng T và ông Nguyễn Văn H đến khi thanh toán xong khoản nợ nêu trên.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 1.254.000 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng T số tiền 583.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000659 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Ngân hàng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn H quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhân:**

- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy